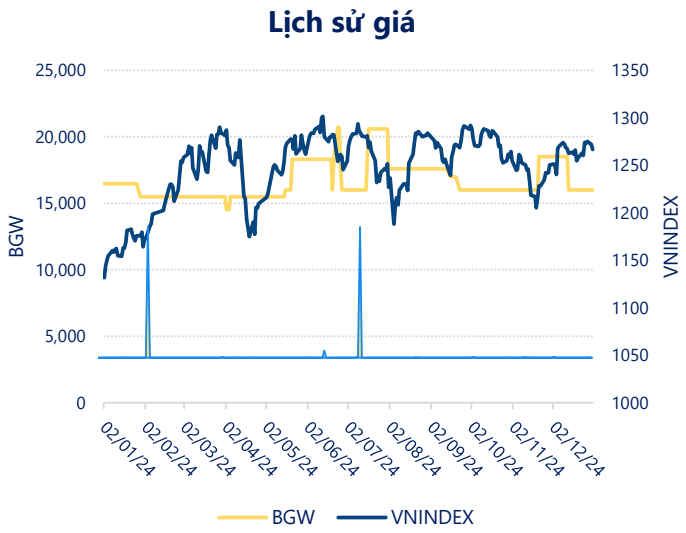
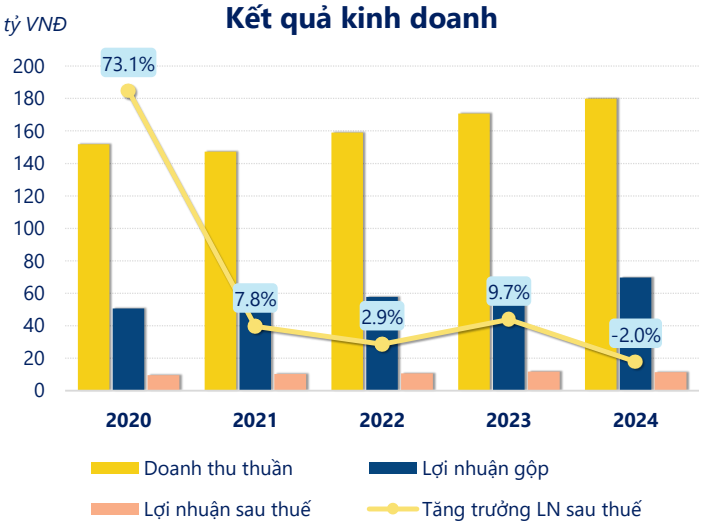
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	16,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	0%	0%

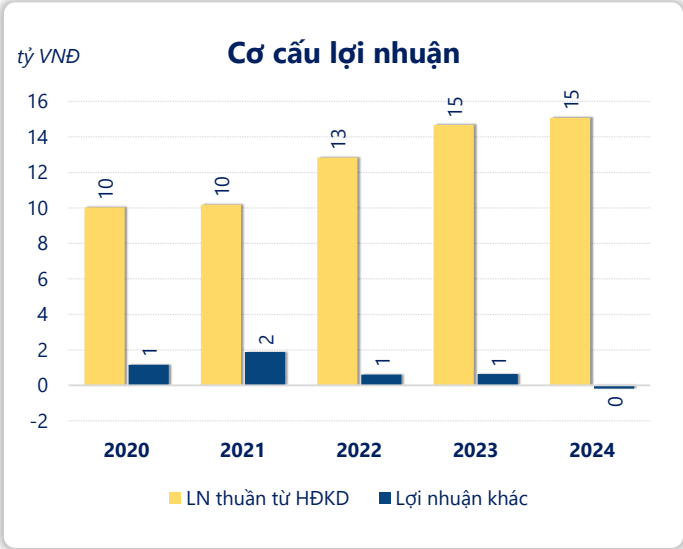
	2024	YoY
DT thuần	180 *tỷ VNĐ*	▲ 9.00 ▲ 5.4%
LN gộp	69.6 *tỷ VNĐ*	▲ 2.40 ▲ 3.7%
LN thuần	15.1 *tỷ VNĐ*	▲ 0.40 ▲ 2.8%
LN sau thuế	11.5 *tỷ VNĐ*	▼ 0.20 ▼ 2.0%
ROE	6.0%	+/- YoY ▼ 0.1%
ROA	5.0%	+/- YoY ▼ 0.1%

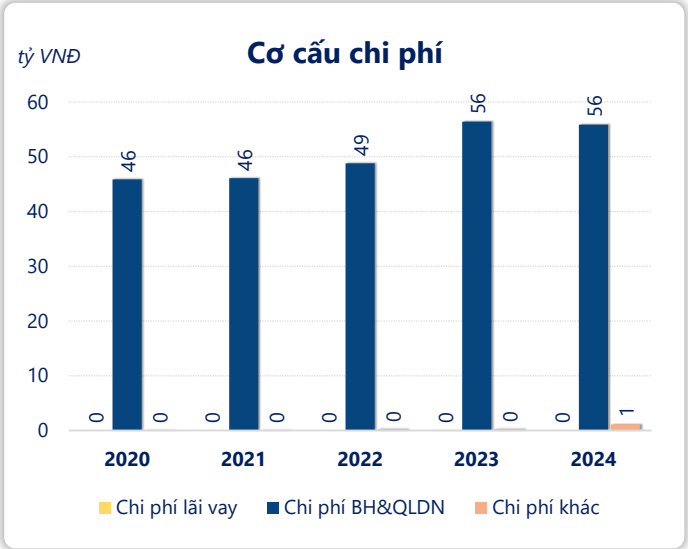




Năm **2024**, **BGW** ghi nhận doanh thu thuần **180.0** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **11.49** tỷ đồng, lần lượt **tăng 5.37%** và **giảm 1.95%** so với năm trước.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **5.97%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

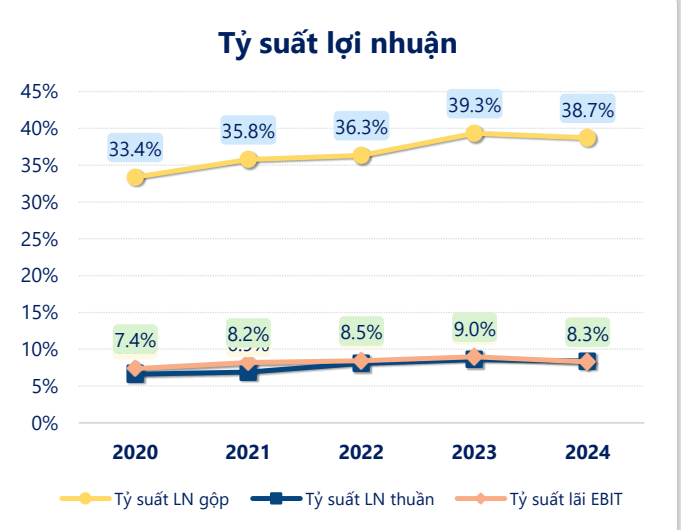


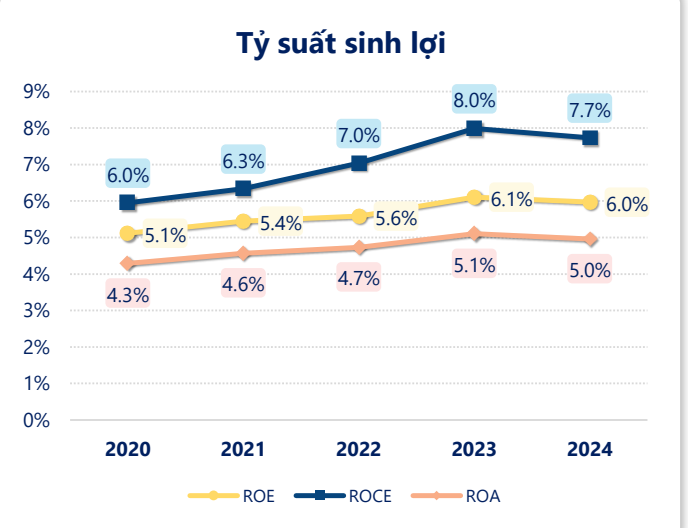


Năm **2024**, **BGW** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **15.08** tỷ đồng, **tăng lên 0.41** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (12.56 tỷ đồng) là 2.52 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

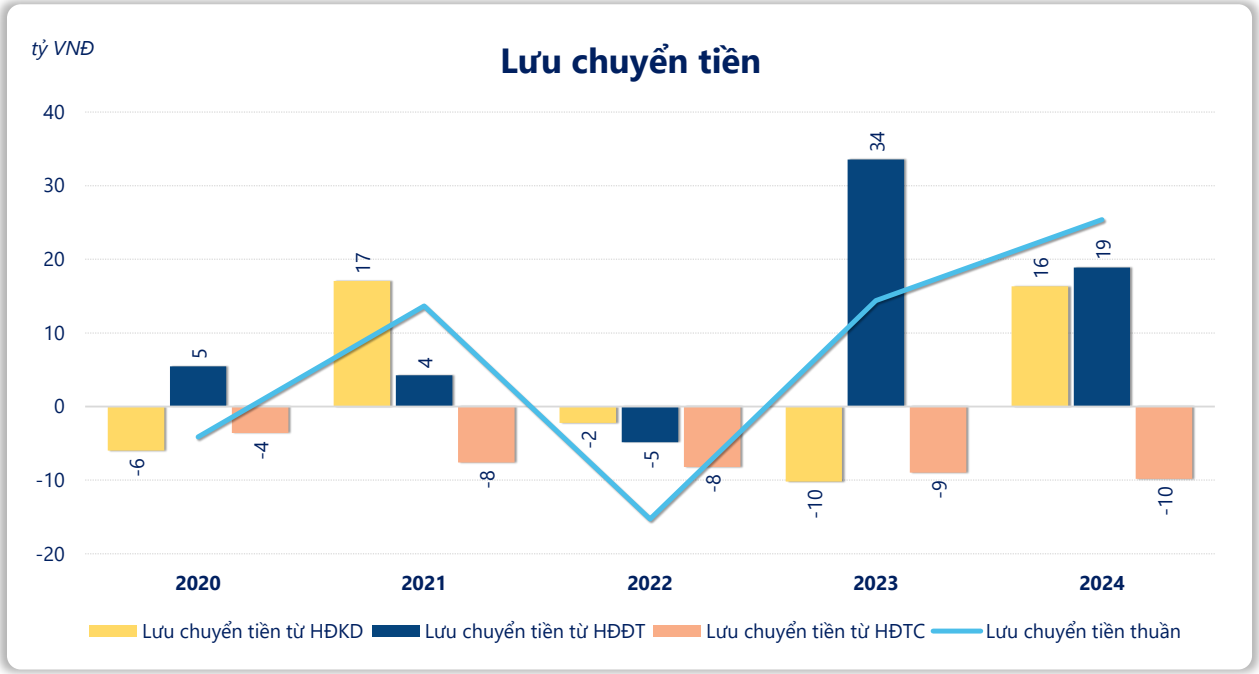
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.00** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **55.86** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.15** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của BGW năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **5.97%**, tuy nhiên vẫn **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**152**	**147**	**159**	**171**	**180**
Giá vốn hàng bán	101	94.6	101	104	110
Lợi nhuận gộp	**50.7**	**52.7**	**57.8**	**67.2**	**69.6**
Doanh thu HĐTC	5.20	3.60	3.86	3.88	1.30
Chi phí TC	0	0	0	0.02	0
Chi phí lãi vay	**0**	**0**	**0**	**0.02**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	30.3	31.3	34.1	37.9	36.2
Chi phí QLDN	15.5	14.8	14.6	18.5	19.7
LN thuần từ HĐKD	**10.0**	**10.2**	**12.8**	**14.7**	**15.1**
Lợi nhuận khác	1.16	1.88	0.61	0.64	-0.19
LN trước thuế	**11.2**	**12.1**	**13.4**	**15.3**	**14.9**
Lợi nhuận sau thuế	**9.62**	**10.4**	**10.7**	**11.7**	**11.5**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.62**	**10.4**	**10.7**	**11.7**	**11.5**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của BGW bằng **25.39** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (14.38 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **16.34** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **18.88** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-9.83** tỷ đồng.